VJE Tạp chí Giáo dục (2023), 23(1), 59-64 ISSN: 2354-0753

SỰ SẴN SÀNG THAM GIA CÁC KHÓA HỌC TRỰC TUYẾN CỦA SINH VIÊN: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

Nguyễn Nam Phương[+], **Nguyễn Văn Tú**

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

+ Tác giả liên hệ ● Email: phuongnn@hnue.edu.vn

Article history
Received: 15/8/2022
Accepted: 20/10/2022
Published: 05/01/2023

Keywords
Readiness, online learning, learning conditions, attitudes, online learning effectiveness, students, university of education

ABSTRACT

Online learning is gradually gaining popularity among university students, especially after the Covid-19 pandemic. This study investigates the willingness of students to participate in online learning at Hanoi National University of Education regarding: learning conditions, learners' self-regulation capacity, their attitudes towards online learning and the effectiveness of online learning. The survey results show that the fourth-year students maintained the highest level of adaptability, with thorough preparation for learning conditions. Self-study ability of the senior group of students also reached a higher level than that of all other groups. The group of first-year students did not seem to be ready for this form of learning. The greatest difficulty of students lies in their ability to self-regulate their learning and learning conditions. From there, the authors propose a number of measures related to training programs for students in general and pedagogical students in particular, in order to improve their readiness to participate in online learning. In online teaching, the conditions of teaching and learning change, the needs and learning characteristics of learners are also different, which sets requirements for students to adapt and apply information technology in learning practice.

1. Mở đầu

Trong bối cảnh công nghệ số hiện nay, Việt Nam đã rất nhanh chóng bắt kịp các ứng dụng của công nghệ vào trong rất nhiều các lĩnh vực trong đời sống, đặc biệt là các ứng dụng trong giáo dục trực tuyến. Từ những năm 2002 đã có hệ thống mã nguồn mở Moodle được Martin Dougiamas phát triển với mục tiêu cung cấp công nghệ hỗ trợ việc học trực tuyến. Cho đến nay, đã có nhiều nghiên cứu trên thế giới về các vấn đề đào tạo trực tuyến và học trực tuyến. Nghiên cứu của Greenway và Vanourek (2006), Picciano và cộng sự (2010) đã thống kê và tổng hợp số lượng học viên tham gia các khóa học trực tuyến. Kết quả cho thấy, số lượng học viên đã tăng dần qua hàng năm. Nhóm tác giả Chung và cộng sự (2020) đã chỉ ra 4 yếu tố ảnh hưởng đến việc học trực tuyến bao gồm điều kiện học tập phục vụ học trực tuyến (như mạng Internet, máy tính), năng lực tự học của người học, thái độ của người học đối với học trực tuyến và hiệu suất học tập trực tuyến (HTTT). Pillay và cộng sự (2007) đã đưa ra những nghiên cứu và phân tích số liệu để chuẩn hóa sự sẵn sàng học trực tuyến của sinh viên (SV). Nghiên cứu của Afanasjeva và cộng sự (2021) về năng lực nghề nghiệp trong chương trình đào tạo SV sư phạm đã nêu ra căn cứ lí luận của sự sẵn sàng học tập, sự sẵn sàng nghề nghiệp là một thành tố của năng lực thích ứng học tập và thích ứng nghề nghiệp.

Tại Việt Nam, ngày 25/01/2022, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 131/QĐ-TTg phê duyệt Đề án *"Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong GD-ĐT giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030"* (Thủ tướng Chính phủ, 2022), điều này thúc đẩy việc tổ chức, tăng cường các khóa học trực tuyến, song song kết hợp hai hình thức dạy và học trực tuyến, trực tiếp cùng lúc. Tận dụng tiến bộ công nghệ để thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong dạy và học, nâng cao chất lượng và cơ hội tiếp cận giáo dục, hiệu quả quản lí giáo dục; xây dựng nền giáo dục mở thích ứng trên nền tảng số, góp phần phát triển Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số là một trong những nhiệm vụ quan trọng của GD-ĐT (https://baochinhphu.vn/tang-cuong-ung-dung-cong-nghe-thong-tin-va-chuyen-doi-so-trong-giao-duc-va-dao-tao-102220126174621634.htm).

Được coi là một trong những yếu tố tác động, năng lực tự học của SV cũng được chú trọng và dành nhiều sự quan tâm của các nhà giáo dục để đề xuất các giải pháp tương ứng. Tuy vậy, các công trình trong nước lại chưa có nhiều các nghiên cứu về sự sẵn sàng học trực tuyến của SV. Các chương trình, khóa học trực tuyến ở Việt Nam còn khá non trẻ, điển hình vào những năm 2007 mới bắt đầu có các hệ thống GD-ĐT trực tuyến đi vào hoạt động như

Hocmai, Egame. Đến năm 2015, tại Việt Nam, đã có những hội thảo quy mô lớn được tổ chức, đặc biệt là hội thảo khoa học "Phổ biến e-Learning trong giáo dục đại học tại Việt Nam" do Trường Đại học Bách khoa Hà Nội tổ chức về vấn đề HTTT và những chia sẻ về vấn đề e-learning. Cho đến nay, đã có những nghiên cứu khác về chủ đề học trực tuyến như *"Cảm nhận của SV chính quy khi trải nghiệm học trực tuyến hoàn toàn trong thời gian phòng chống dịch Covid- 19"*của Phan Thị Ngọc Thanh và cộng sự (2020), nghiên cứu *"Góc nhìn của SV giai đoạn Covid-19 về học tiếng Anh bằng hình thức trực tuyến và bằng hình thức trực tiếp"* của Phạm Thị Anh Đào và cộng sự (2020). Bùi Quang Dũng và cộng sự (2021) đã tiến hành nghiên cứu trên SV Công tác xã hội trên ba khía cạnh: tâm lí, môi trường, phương tiện và thiết bị học tập. Nhóm tác giả Đặng Thị Thúy Hiền và cộng sự (2020) đã chỉ ra 4 yếu tố cơ bản gây ra khó khăn trong học trực tuyến. Trong một nghiên cứu gần đây, Trần Thị Ngọc Ny (2022) cũng đã chỉ ra năm nhóm khó khăn chính mà SV gặp phải. Một số đề xuất định hướng tổ chức dạy học theo mô hình dạy học kết hợp (blended learning) cũng được nhắc tới với nghiên cứu trường hợp tại Khoa Tâm lí - Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm (ĐHSP) Hà Nội (Nguyễn Nam Phương và Trần Huyền Trang, 2021). Tuy nhiên, nghiên cứu này chỉ khai thác ở góc độ mô hình dạy học và phương án tổ chức dạy học, chưa nghiên cứu sâu yếu tố sự sẵn sàng học trực tuyến của SV. Nhìn chung, các nghiên cứu trong bối cảnh này cho thấy, việc học trực tuyến của SV nói chung vẫn đang gặp nhiều khó khăn ở nhiều phương diện. Các nghiên cứu về thực trạng học trực tuyến của SV đại học sư phạm chưa nhiều, chưa đủ tầm bao quát vấn đề.

Bài báo trình bày kết quả khảo sát về mức độ sẵn sàng tham gia học trực tuyến của SV Trường ĐHSP Hà Nội về các yếu tố: điều kiện học tập, năng lực tự điều chỉnh của người học, thái độ của họ đối với việc học trực tuyến và hiệu quả của việc học trực tuyến.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Khái niệm "sự sẵn sàng học trực tuyến của sinh viên đại học sư phạm"

Với các nghiên cứu của Chapnick và Samantha (2020), Pillay và cộng sự (2007), khái niệm "sự sẵn sàng" trong khoa học giáo dục được thể hiện với 5 đặc tính: *Thứ nhất*, sự sẵn sàng là một hiện tượng xã hội; *Thứ hai*, sự sẵn sàng chỉ xuất hiện khi con người đã có sự chuẩn bị đầy đủ. *Thứ ba*, sự sẵn sàng học tập đề cập đến các yếu tố cơ bản, cố định bao gồm cả về mặt nhận thức và kĩ năng; *Thứ tư*, sự sẵn sàng học tập có thể ảnh hưởng đến hiệu quả của việc học; *Thứ năm*, sự sẵn sàng học tập mang tính chủ thể, tùy thuộc vào các đặc điểm khác nhau của mỗi người cả về mặt nhận thức, điều kiện cơ sở thiết bị mà khác nhau. Theo đó, "sự sẵn sàng học tập" được hiểu *là một hiện tượng xã hội chỉ xuất hiện khi con người đã có sự chuẩn bị đầy đủ về tâm lí và các điều kiện cơ bản để có thể thực hiện tốt việc học.*

Học trực tuyến là một từ được chuyển nghĩa từ khái niệm "E-learning", "*Học tập điện tử (e-Learning) là hình thức học tập qua đó người học có thể tự học mọi lúc, học mọi nơi thông qua các học liệu điện tử đa phương tiện (lời giảng, lời thuyết minh, âm thanh, hình ảnh, video, đồ họa…). Các hình thức học tập như m-Learning (học thông qua thiết bị di động: điện thoại thông minh, máy tính bảng, màn hình tương tác), u-Learning (học thông qua các phương thức tương tác thực tế ảo diễn ra bất kì nơi nào), hay smart-Learning (phương tiện học tập thông minh) đều là các hình thái của học tập điện tử e-Learning*" (Bộ GD-ĐT, 2016).

Như vậy, chúng tôi đưa ra khái niệm về sự sẵn sàng học trực tuyến của SV sư phạm "*là sự chuẩn bị các mặt về tâm lí và điều kiện học tập các chương trình đào tạo thông qua mạng Internet của SV thuộc nhóm ngành Sư phạm".*

2.2. Đặc điểm học tập trực tuyến của sinh viên sư phạm

Trong bối cảnh đối phó với dịch bệnh Covid-19 (năm 2020 và 2021), hình thức HTTT được coi là cách thực hiện đảm bảo đúng phương châm Bộ GD-ĐT "tạm dừng đến trường, không ngừng học". Chính vì vậy, đối với các chương trình đào tạo chính quy, hình thức học trực tuyến được coi là giải pháp thay thế cho hình thức học trực tiếp (Lê Thị Mai Hoa, 2021). Từ quan điểm trên có thể thấy:

- Mục đích HTTT của SV sư phạm vẫn nhằm đảm bảo tính tiếp nối của kiến thức, vẫn tiếp tục học tập và không ngừng phát triển bản thân. Đồng thời, thông qua đó có thể rèn luyện bản thân dưới một môi trường đặc biệt, tích lũy kinh nghiệm cho hành trình thực tập và công việc sau này.

- Với đặc điểm này của SV sư phạm, hiện chưa có những nghiên cứu cụ thể. Phương pháp HTTT của SV sư phạm, hiện nay SV vẫn sử dụng các phương pháp học tập trực tiếp và HTTT, cũng có những hiệu quả nhất định, song vẫn còn những hạn chế do tính chất của phương pháp cũng như điều kiện, hoàn cảnh.

- Nội dung HTTT của SV sư phạm, do việc học trực tuyến là hình thức thay thế cho học trực tiếp nên nội dung HTTT của SV sư phạm vẫn là những nội dung đã có trong chương trình đào tạo để đảm bảo chất lượng đào tạo.

- Kiểm tra, đánh giá đối với học trực tuyến của SV sư phạm, do hình thức kiểm tra là trực tuyến, nên SV sư phạm sẽ thực hiện kiểm tra trên hệ thống HTTT của nhà trường. Thông qua hệ thống, giảng viên sẽ đưa ra đề bài, yêu cầu để SV thực hiện và nộp lại vào hệ thống. Các hình thức kiểm tra trực tuyến vẫn rất đa dạng, bao gồm cả hình thức kiểm tra tự luận, vấn đáp, thực hành, dự án nhóm,… Việc kiểm tra vẫn được đảm bảo đủ các yêu cầu về mặt kĩ thuật và thực hiện nghiêm các quy định về kiểm tra, đánh giá cho SV của Bộ GD-ĐT để đảm bảo kết quả HTTT.

2.3. Sự sẵn sàng học trực tuyến của sinh viên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Chúng tôi tiến hành xây dựng phiếu khảo sát về sự sẵn sàng học trực tuyến của SV Trường ĐHSP Hà Nội, dựa trên khung nghiên cứu lí luận của tác giả Chung và cộng sự (2020), với các nhóm câu hỏi: - Điều kiện học tập (mạng Internet, máy tính) của bạn như thế nào?; - Năng lực tự học của bạn như thế nào?; - Thái độ của bạn với việc học trực tuyến như thế nào?; - Hiệu quả HTTT của bạn như thế nào?

Số liệu được thu thập trong năm học 2021-2022 bằng hình thức gửi bảng hỏi trực tuyến, kết quả thu hồi được 348 phiếu trả lời, trong đó có 347 phiếu trả lời hợp lệ và được đưa vào phân tích, xử lí bằng phần mềm SPSS. Tỉ lệ phản hồi phiếu khảo sát là 100%, trong đó có 144 SV năm thứ nhất, 77 SV năm thứ hai, 69 SV năm thứ ba và 57 SV năm thứ tư.

Khoảng thang đo của thang Likert 5 điểm trong nghiên cứu này được tính bằng trung bình cộng của 2 khoảng điểm liền kề nhau. Do đó, để có thể đưa ra những nhận định tương đối chính xác về sự sẵn sàng tham gia các khóa học trực tuyến của SV, các giá trị trong thang đo được xây dựng thành năm khoảng. Khi đó:

Giá trị khoảng cách = (Maximum – Minimum) / n = (4-0)/5 = 0.8. Ý nghĩa các mức như sau:

Khoảng giá trị	**0 - 0.8**	**0.81- 1.60**	**1.61 - 2.40**	**2.41 - 3.20**	**3.21 - 4**
Ý nghĩa	Rất thấp	Thấp	Trung bình	Cao	Rất cao

Với những đặc điểm khác biệt của học trực tuyến đã tạo ra những điều kiện khách quan và chủ quan mới trong quá trình tham gia các khóa học trực tuyến. Chính vì thế, để xác định sự sẵn sàng học trực tuyến của SV, chúng tôi tiến hành khảo sát trên 4 phương diện: Điều kiện học tập mạng - máy tính, năng lực tự học tự nghiên cứu, thái độ với việc học trực tuyến và hiệu quả HTTT.

2.3.1. Điều kiện học trực tuyến của sinh viên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Để tham gia vào các khóa học trực tuyến, điều kiện học tập như không gian học tập, trang thiết bị, mạng - máy tính là những yếu tố rất quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng khóa học. Sự sẵn sàng về điều kiện mạng - máy tính của SV được thể hiện ở bảng 1.

Bảng 1. Điều kiện học trực tuyến của SV Trường ĐHSP Hà Nội (đơn vị tính: điểm trung bình - ĐTB)

Nội dung	**Năm thứ nhất**	**Năm thứ hai**	**Năm thứ ba**	**Năm thứ tư**	**Tổng**
Tôi có thể sử dụng các thiết bị học tập thuần thục	2,62	2,75	2,81	3	2,75
Tôi có đầy đủ phương tiện học tập	2,6	2,64	2,51	2,75	2,61
Tôi cảm thấy mạng luôn ổn định khi tôi HTTT	2,19	2,43	2,36	2,6	2,34
Tôi có không gian HTTT thoải mái	2,98	2,79	2,72	2,89	2,87

Khi khảo sát về điều kiện học tập, mạng - máy tính, chúng tôi đánh giá trên 4 phương diện: khả năng sử dụng thuần thục các thiết bị học tập, phương tiện học tập, đường truyền mạng và không gian học tập.

Đứng đầu trong sự sẵn sàng về điều kiện học tập, mạng - máy tính là yếu tố không gian HTTT với ĐTB là 2,87, trong đó SV năm thứ nhất vượt mức trung bình (2,98) cao hơn nhóm SV năm thứ hai đứng cuối trong ba nhóm SV (2,72). Một trong những ưu thế của học trực tuyến chính là không giới hạn không gian học tập, SV có thể thoải mái trong việc lựa chọn không gian học tập tối ưu, phù hợp nhất với điều kiện cá nhân và đặc điểm môn học.

Đứng thứ hai là khả năng sử dụng thuần thục các thiết bị học tập với ĐTB là 2,75, trong đó có ĐTB cao nhất trong 4 nhóm SV là SV năm thứ tư với ĐTB là 3, cao hơn nhóm SV năm thứ nhất (2,62). Trải qua một thời gian dài ảnh hưởng của dịch bệnh, nhóm SV năm thứ tư sẽ có nhiều kinh nghiệm, trải nghiệm và kĩ năng hơn trong cả việc thích nghi với môi trường đại học hai với các cách thức tiến hành, sử dụng các thiết bị học tập.

Đứng cuối cùng là yếu tố đường truyền kết nối mạng, ĐTB là 2,34, trong đó SV năm thứ tư vượt mức trung bình (2,6), cao hơn so với nhóm SV năm thứ nhất (2,19). Đường truyền kết nối mạng chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố khác nhau, về vấn đề này, SV N.V.T chia sẻ: "*Giai đoạn đầu mình học trực tuyến ở Hà Nội thì kết nối khá ổn định, nhưng sau đó mình về quê, thì mạng chậm hơn rất nhiều khiến mình phải đăng kí thêm các gói mạng*".

Nhìn chung, ĐTB của nhóm SV năm thứ tư ở mức cao hơn sao với ba nhóm còn lại và cũng cao hơn mức ĐTB. Điều này có thể thấy được sự thích ứng và thay đổi của nhóm SV năm thứ tư đã ở mức tốt hơn, có sự chuẩn bị kĩ càng hơn về yếu tố điều kiện học tập, mạng - máy tính.

2.3.2. Năng lực tự học khi học trực tuyến của sinh viên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Kết quả khảo sát năng lực tự học của SV được thể hiện ở bảng 2.

Bảng 2. Năng lực tự học khi học trực tuyến của SV Trường ĐHSP Hà Nội

Nội dung	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ tư	Tổng
Tôi có kế hoạch học tập cụ thể khi học trực tuyến	2,23	2,41	2,4	2,68	2,38
Tôi xây dựng mục tiêu HTTT	2,23	2,32	2,54	2,37	2,33
Tôi kiểm soát được tiến độ học tập của mình	2,21	2,05	2.04	2,3	2,15
Tôi không bị phân tâm bởi các hoạt động trực tuyến khác (Facebook, Twitter, Youtube, trò chơi trực tuyến,...)	1,79	2,32	2,42	2,6	2,17
Tôi có thể chia sẻ ý tưởng của mình khi học trực tuyến	2,22	2,41	2,59	2,74	2,42
Tôi có những phương pháp học trực tuyến phù hợp	2,3	2,47	2,49	2,73	2,45
Tôi có nguồn tài liệu phong phú khi học trực tuyến	2,66	2,64	2,49	2,95	2,67

Đạt ĐTB cao nhất là yếu tố có nguồn tài liệu phong phú khi học trực tuyến (2,67), trong đó SV năm thứ tư có ĐTB cao nhất là 2,95 cao hơn ĐTB trung và cũng cao hơn ĐTB của nhóm SV năm thứ nhất là 2,49. Nhóm SV năm thứ tư có nhiều kĩ năng và nguồn tài liệu khác nhau để tiến hành học tập, từ đó dẫn đến việc có nguồn tài liệu phong phú hơn với các nhóm khác. Đứng thứ hai là yếu tố phương pháp học trực tuyến với ĐTB là 2,45, trong đó SV năm thứ tư có ĐTB cao nhất là 2,73 cao hơn so với ĐTB chung. Nhóm có ĐTB thấp nhất là nhóm SV năm thứ nhất với ĐTB chỉ có 2,3. Có ĐTB thấp nhất là yếu tố SV có thể kiểm soát được tiến độ học tập với ĐTB chỉ đạt 2,15. Trong đó SV năm thứ tư có ĐTB cao hơn nhất là 2,3 cao hơn ĐTB chung, và SV năm thứ hai và năm ba lần lượt đạt ĐTB 2,05 và 2,05. Quá trình học trực tuyến có cả những bài học được thực hiện thông qua các tài liệu được quay trước, chính vì thế nên SV có thể tùy thời theo dõi, chính vì thế dẫn đến việc trì hoãn học tập của SV, không theo kịp được tiến trình học.

Kết quả trên cho thấy, ở yếu tố năng lực tự học, ĐTB chung của nhóm SV năm thứ tư đạt mức cao hơn so với tất cả các nhóm còn lại. Như vậy có thể thấy SV năm thứ tư đã có năng lực tự học tốt, tích cực và sẵn sàng cho việc học trực tuyến.

2.3.3. Thái độ đối với học trực tuyến của sinh viên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Thái độ học trực tuyến là một yếu tố có ảnh hưởng đến động lực và sự tin tưởng đến chất lượng của các khóa học trực tuyến. Nếu SV không có một thái độ tốt thì sẽ khó có động lực và niềm tin vào các hóa học trực tuyến, điều đó có thể ảnh hưởng trực tiếp đến việc SV có thể tham gia các khóa học trực tuyến hay không. Kết quả khảo sát được thể hiện ở bảng 3.

Bảng 3. Thái độ đối với học trực tuyến của SV Trường ĐHSP Hà Nội

Nội dung	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ tư	Tổng
Tôi học thêm các khóa học trực tuyến ngoài môn học ở trường	2,31	2,62	2,94	3,17	2,65
Tôi rất kì vọng vào kết quả HTTT	2,85	2,58	2,71	2,75	2,75
Tôi chỉ học theo chương trình được cho sẵn	2,3	2,35	2,52	2,63	2,41
Tôi có động lực để học trực tuyến	2,33	2,62	2,6	2,5	2,48
Tôi cởi mở với những ý tưởng mới khi học trực tuyến	2,39	2,69	2,85	2,65	2,59

Có ĐTB cao nhất là yếu tố kì vọng vào kết quả trực tuyến với ĐTB là 2,75, trong đó SV năm thứ nhất có ĐTB cao nhất là 2,85 cao hơn so với SV năm thứ hai là 2,58, ĐTB của SV năm thứ ba và năm thứ tư lần lượt là 2,71 và 2,75 - đã tiếp cận và gần tiếp cận ĐTB. Điều này cho thấy, SV năm thứ nhất có thái độ khá cởi mở với kết quả học trực tuyến, SV năm thứ hai còn cần thích ứng thêm.

Đứng thứ hai là yếu tố "có học thêm các khóa học trực tuyến ngoài môn học ở trường" với ĐTB là 2,65, trong đó SV năm thứ tư có ĐTB cao nhất đạt 3,17, cao hơn ĐTB chung và cũng cao hơn so với SV năm thứ nhất với ĐTB thấp nhất chỉ có 2,31. Điều này là do SV năm thứ ba và năm thứ tư cần có sự chuẩn bị cho việc ra trường, đặc biệt là

các chứng chỉ tin học, ngoại ngữ đã thúc đẩy việc SV cần tham gia thêm các khóa học ngoài phạm vi trường học để bồi dưỡng bản thân.

Đứng thấp nhất là yếu tố "Tôi chỉ học theo chương trình được cho sẵn" với ĐTB chỉ 2,41, trong đó SV năm thứ tư có ĐTB cao nhất đạt 2,63 cao hơn nhóm SV năm thứ nhất với ĐTB là 2,3. Như vậy có thể thấy được SV năm thứ tư đã có sự tích cực khi tham gia các khóa học trực tuyến.

Kết quả cho thấy, SV năm thứ tư đã có một thái độ tốt, tích cực với việc học trực tuyến, nhóm SV năm thứ nhất có kết quả chưa đồng nhất, vẫn kì vọng vào kết quả học trực tuyến nhưng những yếu tố khác đều thấp hơn mức trung bình chung.

2.3.4. Hiệu quả học tập trực tuyến của sinh viên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Hiệu quả HTTT được chúng tôi đánh giá trên ba phương diện, SV đã thực hiện được theo kế hoạch học tập mình đã đề ra hay chưa? Sinh viên đã cải thiện được kĩ năng khi học trực tuyến hay chưa? Kết quả học tập có được như kì vọng của SV hay không? Kết quả khảo sát được thể hiện trong bảng 4.

Bảng 4. Hiệu quả HTTT của SV Trường ĐHSP Hà Nội

Nội dung	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ tư	Tổng
Tôi thực hiện được theo kế hoạch học tập mình đã đề ra	2,24	2,25	2,3	2,33	2,27
Tôi cải thiện được kĩ năng của mình khi học trực tuyến	2,35	2,7	2,71	2,63	2,54
Tôi có kết quả HTTT đúng như kì vọng	2,4	2,44	2,36	2,75	2,46

Có ĐTB cao nhất là yếu tố SV đã "cải thiện được kĩ năng của mình khi học trực tuyến" với ĐTB là 2,54, trong đó, SV năm thứ ba có ĐTB đạt 2,71 cao hơn so với SV năm thứ nhất là 2,35. Nguyên nhân của điều này đến từ việc SV năm thứ nhất còn chưa thích ứng với việc học đại học đã tiếp xúc với việc học trực tuyến, chính vì vậy khiến cho các em cần mất thời gian hơn cho việc thích ứng cách thức học tập của đại học, cũng như việc sử dụng các công cụ hỗ trợ cho quá trình học tập và rèn luyện, điều này khiến cho thời gian cho việc hình thành các kĩ năng mới ở SV năm thứ nhất còn hạn chế..

Đứng thứ hai là yếu tố có kết quả HTTT như kì vọng đạt ĐTB là 2,46, trong đó SV năm thứ tư có ĐTB cao nhất, cao hơn với ĐTB chung là 2,75 và nhóm SV có ĐTB thấp nhất là SV năm thứ ba với ĐTB là 2,36. Cuối cùng là yếu tố thực hiện theo kế hoạch đã đề ra với ĐTB chỉ đạt 2,27 với ĐTB cao nhất là SV năm thứ tư có ĐTB là 2,33 và thấp nhất là SV năm thứ nhất là 2,24.

Có thể thấy được, SV năm thứ tư trải qua việc học trực tuyến vẫn đạt hiệu quả cao, SV năm thứ nhất còn gặp nhiều hạn chế.

2.4. Một số đề xuất nhằm cải thiện sự sẵn sàng tham gia các khóa học trực tuyến của sinh viên sư phạm

Từ kết quả khảo sát thực tế về sự sẵn sàng tham gia các khóa học trực tuyến của SV Trường ĐHSP Hà Nội, chúng tôi đề xuất một số biện pháp cải thiện sự sẵn sàng tham gia các khóa học trực tuyến của SV sư phạm nói chung, SV Trường ĐHSP Hà Nội nói riêng.

Thứ nhất, để khắc phục yếu tố điều kiện học tập, mạng - máy tính, SV sư phạm có thể xin trợ cấp, trợ vốn cho việc học từ trường và ngân hàng. SV thuộc diện khó khăn có thể xin giấy xác nhận từ nhà trường, hỗ trợ hơn trong việc miễn giảm học phí.

Thứ hai, trang bị kĩ năng quản lí thời gian cho SV sư phạm, tích hợp trong các môn học (môn Nghiệp vụ, các môn kĩ năng), trong các hoạt động câu lạc bộ, phong trào thanh niên.

Thứ ba, phát triển năng lực ứng dụng công nghệ thông tin cho SV sư phạm, đáp ứng yêu cầu trong chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo GV của trường đại học sư phạm.

Thứ tư, giảng viên tăng cường trao đổi, đánh giá bằng phản hồi và nhận xét, công khai và minh bạch tiêu chí đánh giá môn học, học phần ngay từ đầu, để SV có tâm thế và sự sẵn sàng học tập từ những thời điểm đầu của môn học, học kì, năm học.

Thứ năm, tích hợp nội dung phát triển năng lực ứng dụng công nghệ thông tin trong chính hoạt động giảng dạy của giảng viên khi tổ chức học phần trực tuyến.

3. Kết luận

Sự thay đổi của hình thức giáo dục tiến tới giáo dục số như hiện nay đã thúc đẩy cho sự phát triển của mô hình học trực tuyến. Kết quả khảo sát cho thấy, sự thích ứng với các khóa học trực tuyến của SV năm thứ tư ở mức tốt

nhất, các em có sự chuẩn bị kĩ càng yếu tố điều kiện học tập. Năng lực tự học nhóm SV năm thứ tư cũng đạt mức cao hơn so với tất cả các nhóm còn lại. Bên cạnh đó, SV năm thứ nhất chưa sẵn sàng với hình thức học tập này. Khó khăn lớn nhất của SV nằm ở năng lực tự điều chỉnh việc học tập và điều kiện học tập của họ. Do diễn biến dịch bệnh Covid-19 bất ngờ và phức tạp, SV đại học nói chung, SV đại học sư phạm nói riêng đã trải qua khoảng thời gian học trực tuyến một cách bị động. Bối cảnh này cũng đặt ra cho SV yêu cầu thích ứng và năng lực ứng dụng công nghệ thông tin do điều kiện dạy học thay đổi, nhu cầu và đặc điểm học tập của người học cũng khác đi. Kết quả khảo sát là cơ sở để đề xuất biện pháp khả thi nhằm cải thiện sự sẵn sàng tham gia các khóa học trực tuyến của SV sư phạm nói chung, SV Trường ĐHSP Hà Nội nói riêng.

Tài liệu tham khảo

Afanasjeva, O. Y., Fedotova, M. G., & Solonitsyna, A. S. (2021). Professional adaptation of pedagogical university of students: Theoretical and practical aspects. *Laplage em Revista (International), 7*(3), 374-384.

Bộ GD-ĐT (2016). *Thông tư số 12/2016/TT-BGDĐT ngày 12/4/2016 quy định ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lí, tổ chức đào tạo qua mạng.*

Bùi Quang Dũng, Nguyễn Thị Hoài Phương, Trương Thị Xuân Nhi (2021). *Một số khó khăn của sinh viên khi học trực tuyến trong bối cảnh đại dịch Covid-19 (Nghiên cứu trường hợp đối với sinh viên Công tác xã hội, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế).* Cơ sở dữ liệu Khoa học và Công nghệ, Đại học Huế, 1-7.

Chapnick & Samantha (2020). Are you ready for e-learning. *Learning Circuits: ASTD's Online Magazine*.

Chung, E., Noor, N. M., & Mathew, V. N. (2020). Are you ready? An assessment of online learning readiness among university students, *International Journal of Academic Research in Progressive Education and Development, 9*(1), 301-317.

Đặng Thị Thúy Hiền, Trần Hữu Tuấn, Nguyễn Thị Như Quỳnh, Đoàn Lê Diễm Hằng, Nguyễn Thị Phương Thảo (2020). Các yếu tố rào cản trong việc học online của sinh viên Khoa Du lịch - Đại học Huế. *Tạp chí Khoa học, Đại học Huế*: *Kinh tế và phát triển, 129*(5C), 61-78.

Greenway, R., & Vanourek, G. (2006). The virtual revolution: Understanding online schools. *Education Next, 6*(2), 34-41.

Hoàng Phê (2003). *Từ điển tiếng Việt*. NXB Đà Nẵng.

Lê Thị Mai Hoa (2021). *Dạy học trực tuyến để ứng phó với dịch COVID-19*. Ban Tuyên giáo Trung ương. https://tuyengiao.vn/khoa-giao/giao-duc/day-hoc-truc-tuyen-de-ung-pho-voi-dich-covid-19-135538

Nguyễn Nam Phương, Trần Huyền Trang (2021). *Định hướng vận dụng tổ chức dạy học theo mô hình dạy học kết hợp (Blended learning) trong bối cảnh giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay*. Kỉ yếu hội thảo "Giáo dục thông minh trong bối cảnh hiện nay". NXB Đại học Huế, tr 528-538.

Phạm Thị Anh Đào, Nguyễn Trịnh Tố Anh, Phạm Văn Chiến (2020). Góc nhìn của sinh viên giai đoạn Covid-19 về học tiếng Anh bằng hình thức trực tuyến và bằng hình thức trực tiếp. *TNU Journal of Science and Technology, 225*(10), 54-60.

Phan Thị Ngọc Thanh, Nguyễn Ngọc Thông, Nguyễn Thị Phương Thảo (2020). Cảm nhận của sinh viên chính quy khi trải nghiệm học trực tuyến hoàn toàn trong thời gian phòng chống dịch Covid-19. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh, 15*(2), 18-28.

Picciano, A. G., Seaman, J., & Allen, I. E. (2010). Educational transformation through online learning: To be or not to be. *Journal of Asynchronous Learning Networks, 14*(4), 17-35.

Pillay, H., Irving, K., & Tones, M. (2007). Validation of the diagnostic tool for assessing tertiary students' readiness for online learning. *High Education Research & Development, 26*(2), 217-234.

Thủ tướng Chính phủ (2022). *Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 phê duyệt đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030"*.

Trần Thị Ngọc Ny (2022). Học tập trực tuyến và những khó khăn của sinh viên từ thực tiễn Trường Đại học Nội vụ Hà Nội - Phân hiệu tại Quảng Nam. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Đông Á, 01*, 32-38.